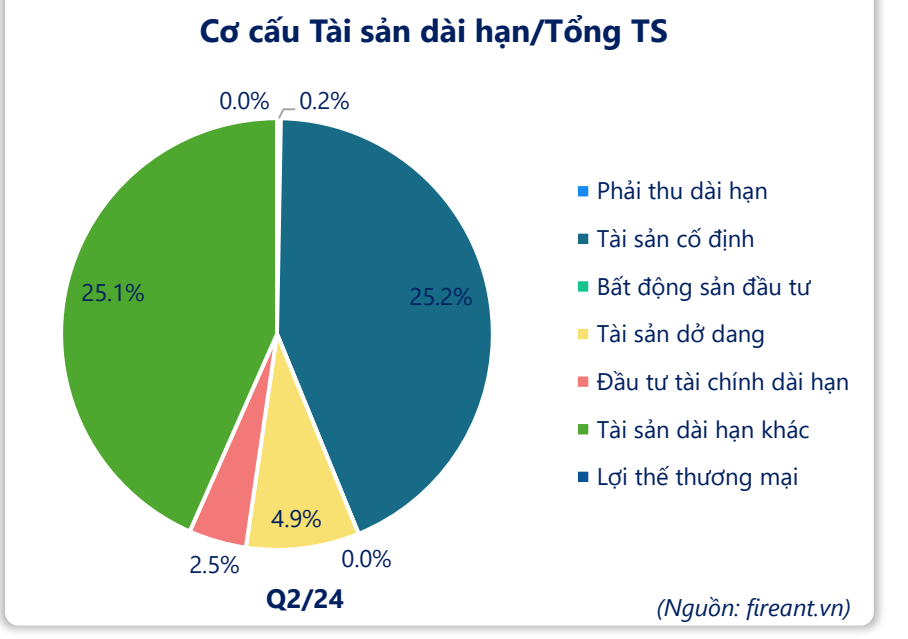
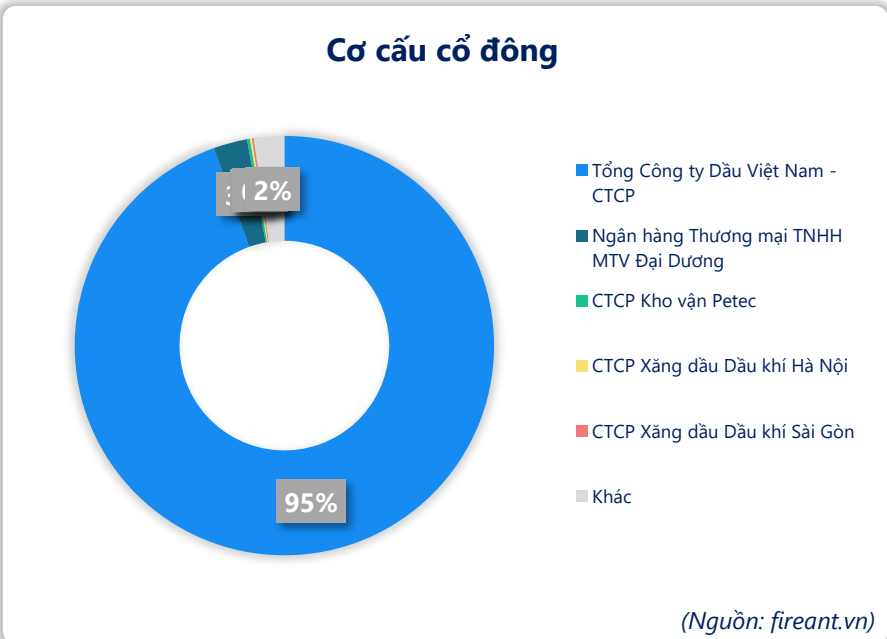
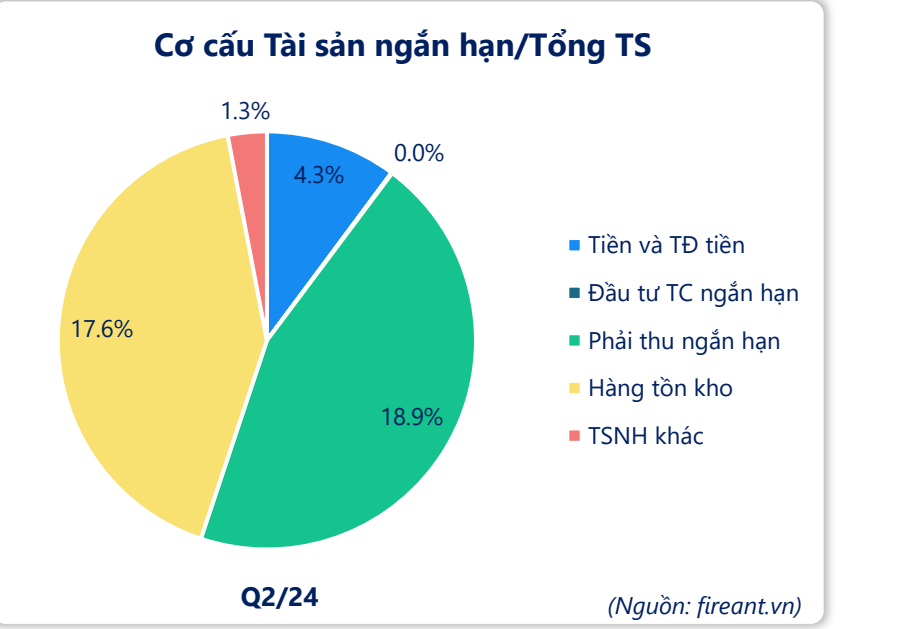
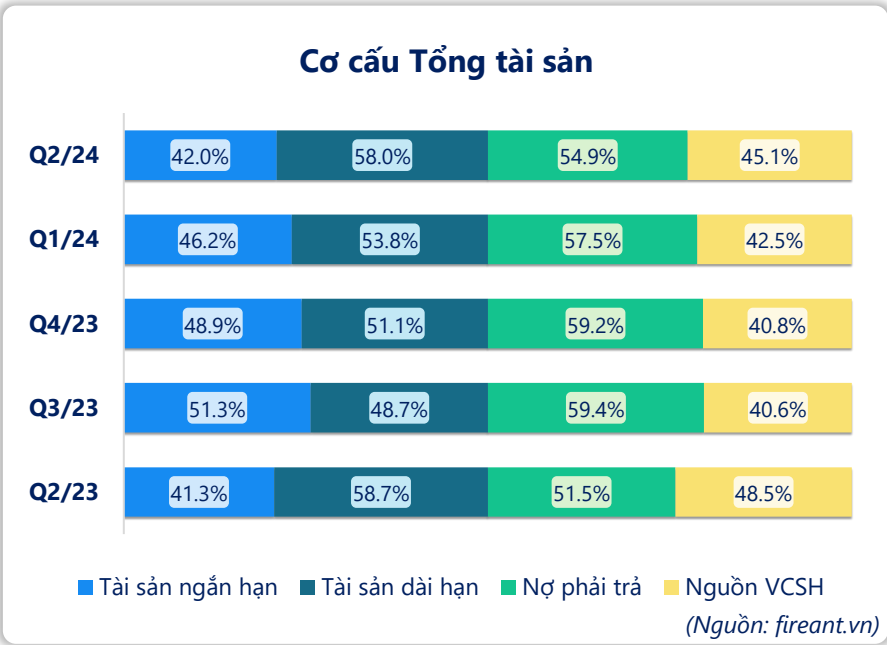
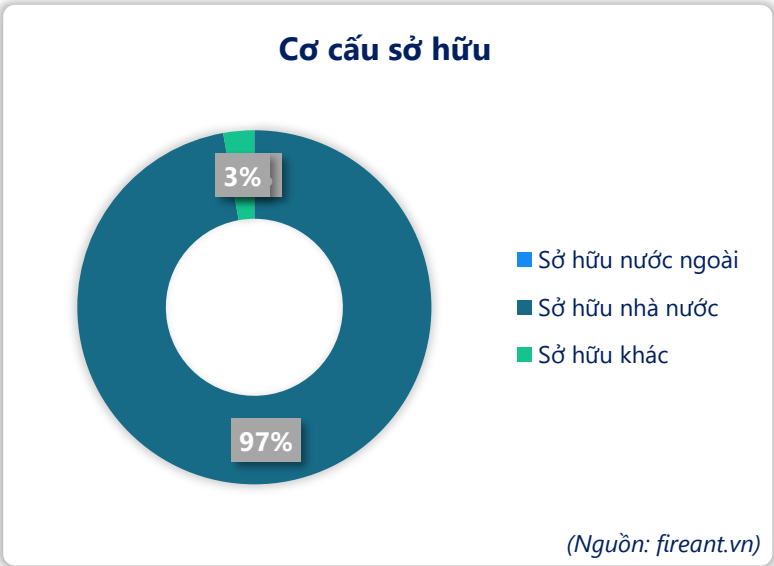
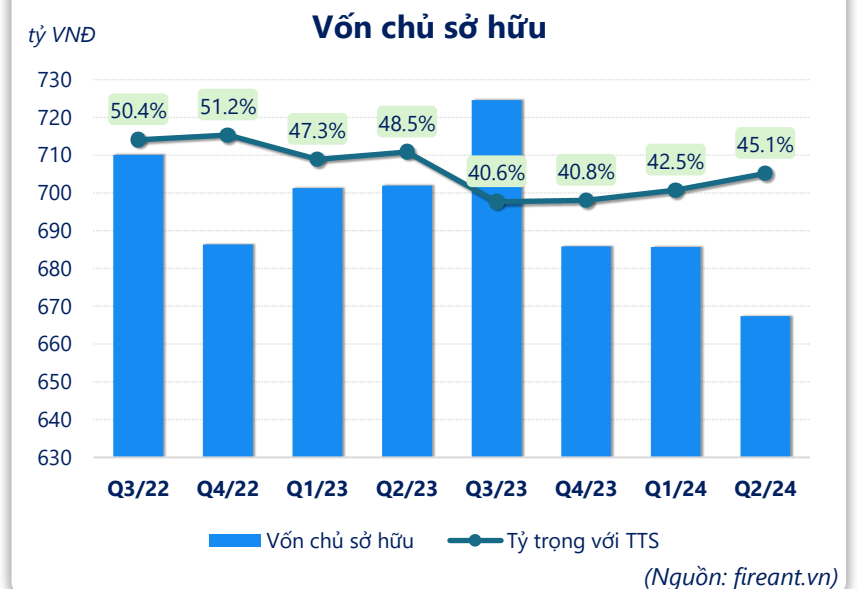
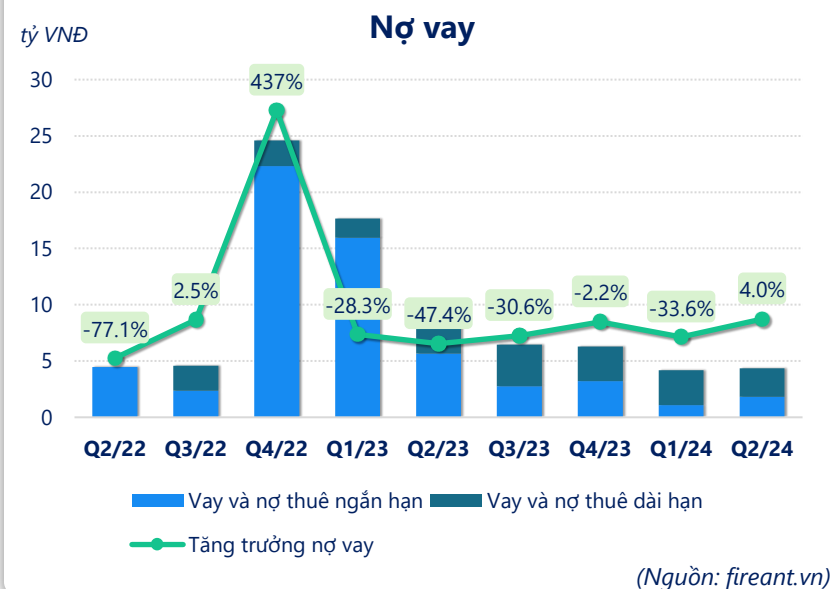
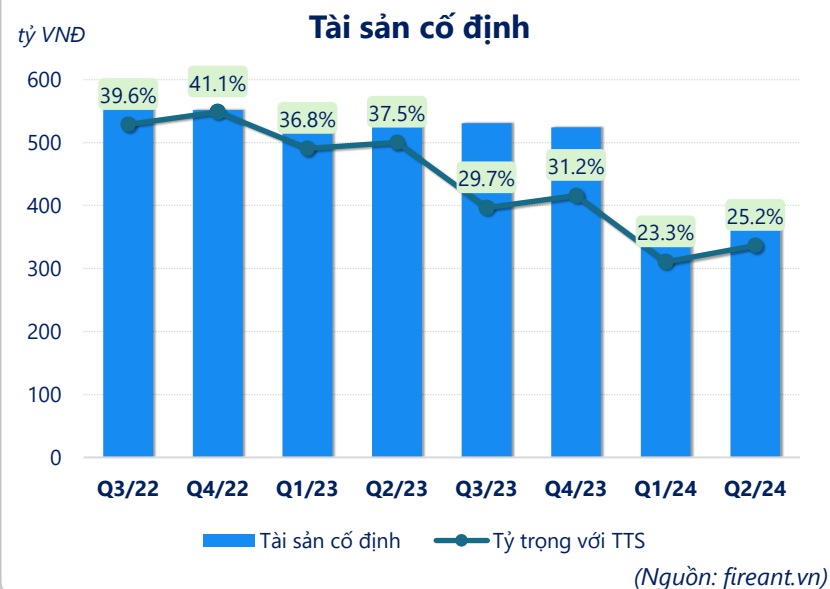
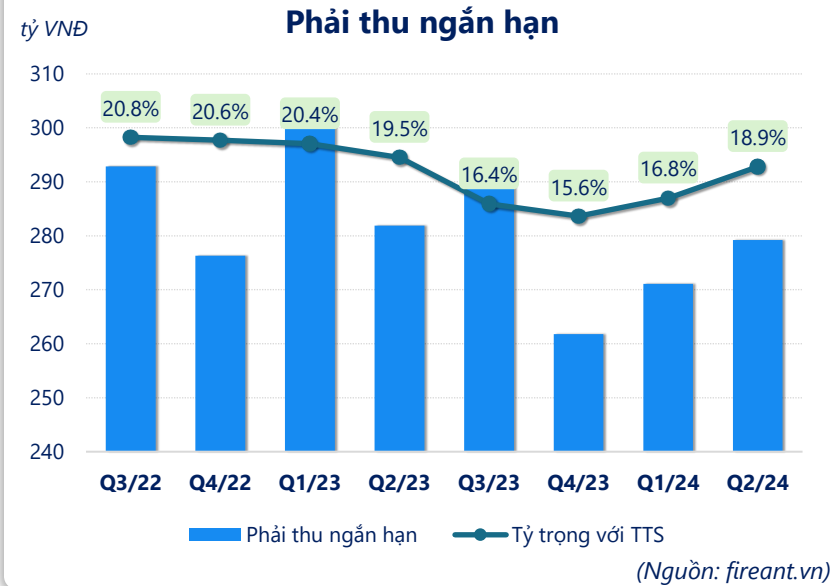
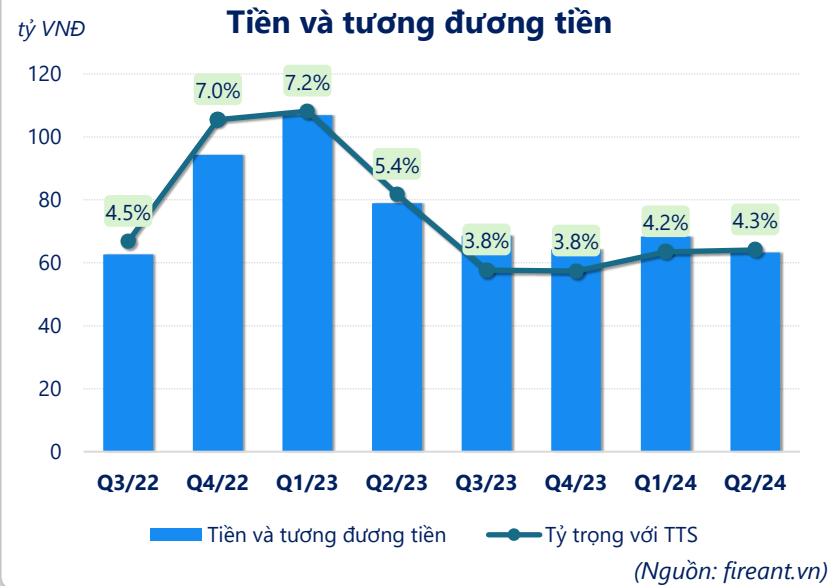
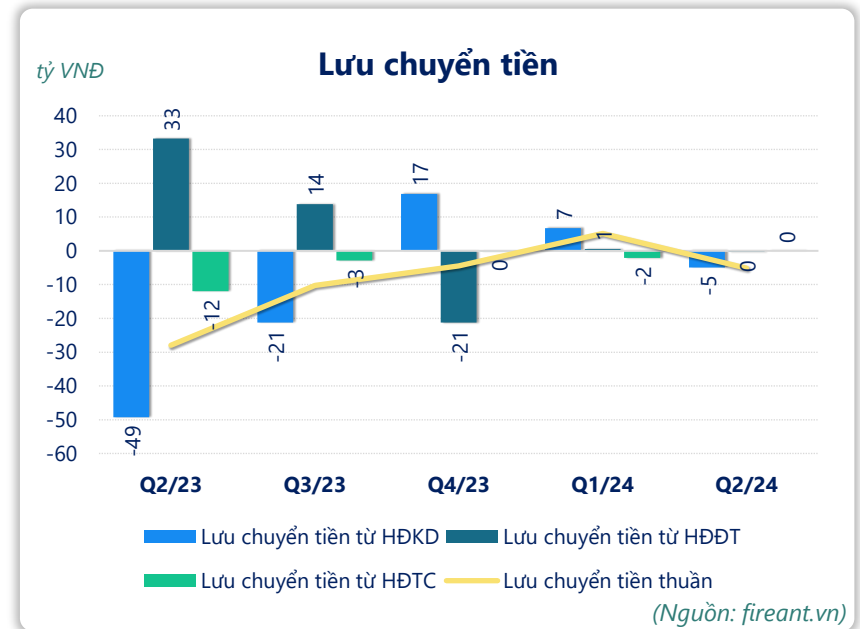
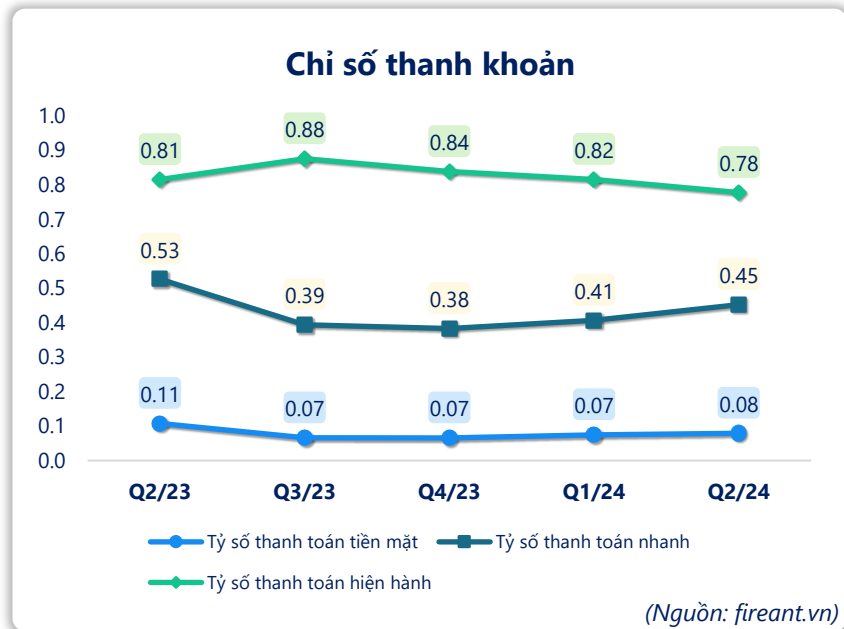
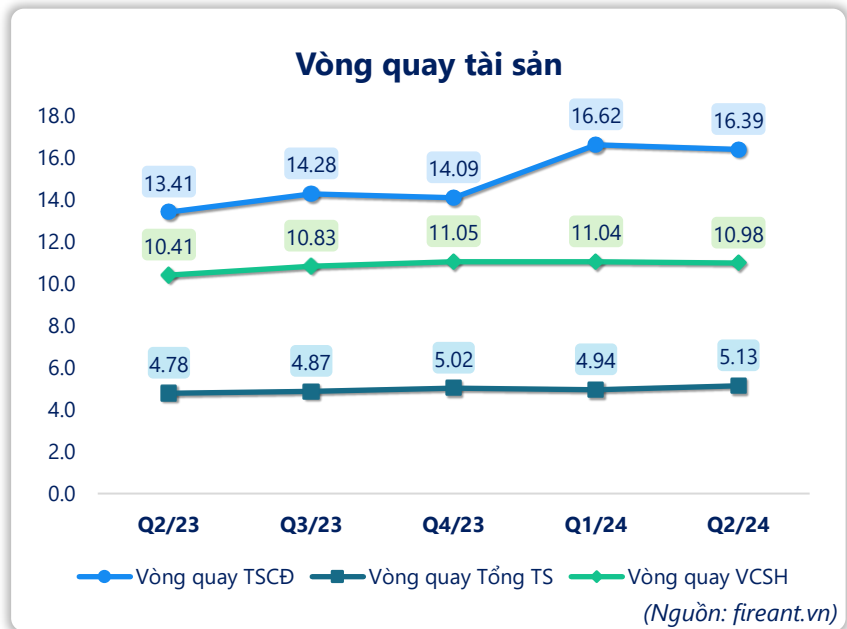
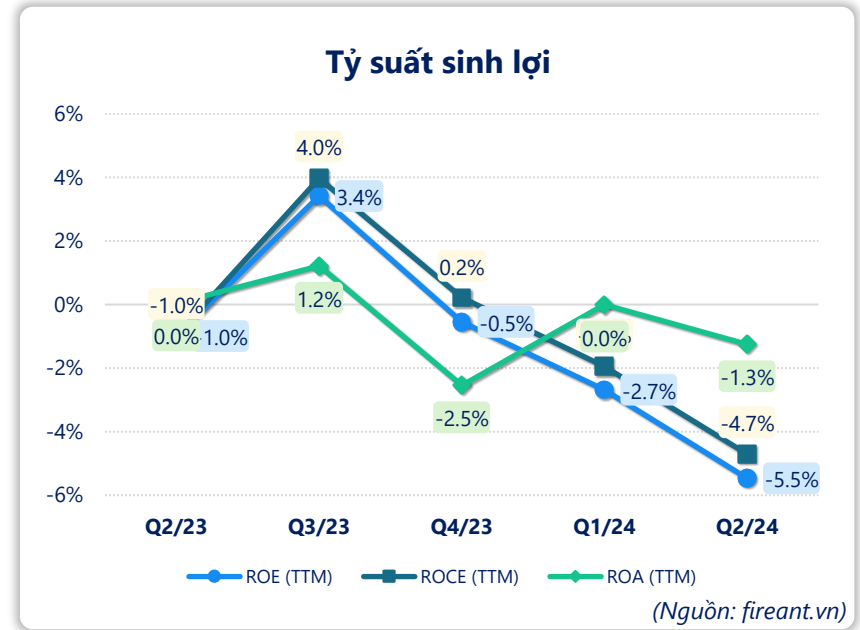
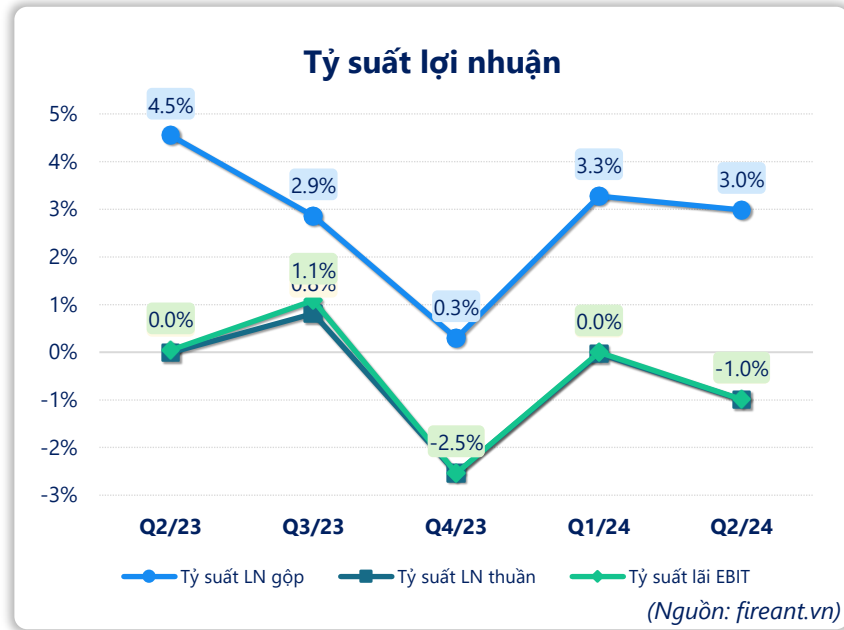
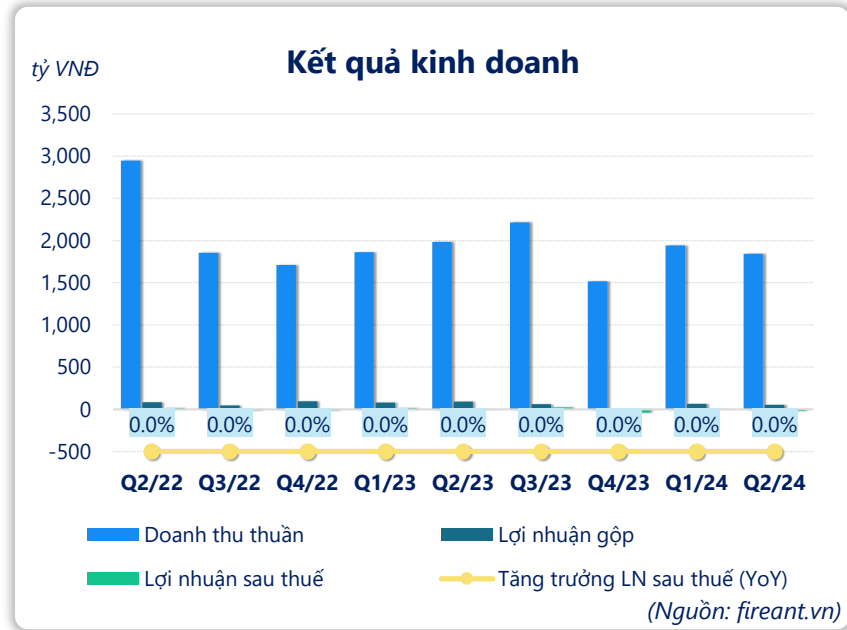


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,800
SL cổ phiếu LH		248,877,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,515
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,991
P/E		-53.2
EPS		-150

	YTD	1T	3T	6T
PEG	81.8%	11.1%	81.8%	77.8%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,480	1,679	-11.9%
Tài sản ngắn hạn	622	815	-23.7%
Tiền và tương đương tiền	63.2	63.2	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.41	1.01	-59.4%
Phải thu ngắn hạn	279	262	6.6%
Hàng tồn kho	260	446	-41.6%
Tài sản ngắn hạn khác	18.7	43.1	-56.6%
Tài sản dài hạn	858	864	-0.7%
Phải thu dài hạn	2.47	2.55	-3.1%
Tài sản cố định	374	383	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	72.7	70.5	3.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	37.1	34.5	7.6%
Tài sản dài hạn khác	372	374	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	813	994	-18.2%
Nợ ngắn hạn	800	979	-18.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.83	3.20	-42.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	719	923	-22.1%
Nợ dài hạn	12.3	14.4	-14.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.52	3.10	-18.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	667	686	-2.7%
Vốn chủ sở hữu	667	686	-2.7%
Vốn điều lệ	2,489	2,489	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	1,984	2,213	1,518	1,940	1,844
Giá vốn hàng bán	1,893	2,150	1,514	1,877	1,788
Lợi nhuận gộp	90.2	63.2	4.51	63.6	55.1
Doanh thu HĐTC	16.9	3.24	-1.03	0.30	0.32
Chi phí TC	1.63	0.67	-2.46	0.12	0.37
Chi phí lãi vay	0.19	0.26	0.21	0.09	0.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0	2.93	-0.03
Chi phí bán hàng	83.1	67.5	24.0	57.5	63.1
Chi phí QLDN	22.5	-19.7	20.5	9.71	10.3
LN thuần từ HĐKD	-0.19	18.0	-38.5	-0.53	-18.4
Lợi nhuận khác	0.83	5.78	-0.18	0.42	0.02
LN trước thuế	0.64	23.7	-38.7	-0.11	-18.3
Lợi nhuận sau thuế	0.64	22.6	-38.7	-0.11	-18.3
LNST của CĐ cty mẹ	0.50	19.4	-38.4	-0.08	-18.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-49.3	-21.2	16.9	6.75	-4.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.3	13.9	-21.2	0.52	-0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.0	-2.84	-0.14	-2.12	0.17
Tiền đầu kỳ	107	78.9	68.7	63.2	68.4
Lưu chuyển tiền thuần	-28.0	-10.2	-4.43	5.15	-5.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	78.9	68.7	64.2	68.4	63.2

(Nguồn: fireant.vn)